

Bản án số: 133/2020/DS-PT

Ngày: 21/5/2020

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;

Ông Đỗ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLPT-DS ngày 10/01/2020 về : “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DS-ST ngày 16/11/2019 của Tòa án nhân dân quận B.Đ, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐ-PT ngày 04/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V (VBank). Trụ sở: số 89 phường L.H, quận Đ.Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông N. C. D - Chủ tịch HĐQT. Đại diện theo ủy quyền: Ông N. V.Đ, ông D. T. H, bà N. T. H. Có mặt bà H.

2. Bị đơn: Ông N.H.K, sinh năm 1954; Vắng mặt.

Bà N.T.B, sinh năm 1957. Có mặt.

HKTT và nơi ở: Số 7 công trường 15 tập thể Công ty sửa chữa nhà cửa P.X, B.Đ, Hà Nội (Số mới: Số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, thành phố Hà Nội).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà T.T.K.L, sinh năm 1962. Nơi ở: Số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2. Bà P.T.T, sinh năm 1953. Nơi ở: Số 29 ngách 219/43 phố Đ.C.T, phường Đ. C, quận H.M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.3. UBND quận B.Đ, thành phố Hà Nội. Trụ sở: 25 L.G, phường C.V, quận B.Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND quận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng V (VBank) và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/10/2011, Ngân hàng V (VBank) - Phòng giao dịch T.Đ.T ký Hợp đồng tín dụng số LD 1127900012 với ông N.H.K và bà N.T.B với số tiền vay là 700.000.000đ; thời hạn vay 60 tháng; mục đích vay để thanh toán tiền mua nhà đất; lãi suất cho vay 22% năm (điều chỉnh 03 tháng 01 lần); Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Ngày 06/10/2011 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 700.000.000đ cho ông K và bà B theo khế ước nhận nợ trên.

Ngày 18/8/2012 VBank- Phòng giao dịch T.Đ.T ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi TK số 38789937/HĐTD/VPB-NTB với ông N.H.K và bà N.T.B; số tiền vay là 250.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay để sử dụng tiêu dùng; lãi suất cho vay 18% năm ; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Ngày 18/8/2012 VBank đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 250.000.000đ cho ông K và bà B (giải ngân trực tiếp vào tài khoản số 38789937 của bà B).

Ngày 24/12/2007, VBank và ông K, bà B ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597407 để thế chấp cho các khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, TP. Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B. Thời hạn hợp đồng thế chấp có giá trị trong vòng 10 năm (Phụ lục số 02 ngày 06/10/2011). VBank đã hoàn thiện thủ tục Đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận B.Đ.

Hai hợp đồng tín dụng nêu trên đều có nội dung ghi rõ tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 24/12/2007.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng (HĐTD) của ông K và bà B như sau:

+ Đối với HĐTD số LD 1127900012 ngày 06/10/2011: ông K và bà B đã trả được 360.635.384đ (trong đó có tiền nợ gốc là 156.110.042đ + tiền nợ lãi là 200.211.472đ + tiền phạt là 4.313.870đ). Như vậy tính đến ngày 16/11/2019 ông K và bà B còn nợ: (tiền gốc là 543.889.958 đ + tiền nợ lãi trong hạn là 17.306.861đ + tiền nợ lãi quá hạn là 827.588.488đ) = 1.388.785.307đ.

+ Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi TK số 38789937/HĐTD/VPB-NTB ngày 18/8/2012: ông K và bà B đã trả được 45.600.083đ tiền nợ gốc; chưa trả tiền lãi. Tính đến ngày 16/11/2019 ông bà còn nợ VBank số tiền: nợ gốc là 243.453.471 đ + nợ lãi trong hạn là 45.192.664đ + nợ lãi quá hạn là 457.608.170đ = 746.254.305đ.

Quan điểm của VBank: yêu cầu ông K và bà B phải trả tiền vay của 02 hợp đồng (tính đến 16/11/2019) là: Tiền nợ gốc 787.343.429đ + tiền nợ lãi là 1.347.696.183đ = 2.135.039.612đ. Kể từ ngày 17/11/2019 ông K và bà B còn phải chịu lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong HĐTD cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông bà không thanh toán được số tiền trên cho Ngân hàng thì đề nghị Cơ quan THA dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 20, ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, TP. Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B.

Bị đơn ông N.H.K và bà N.T.B trình bày: Ông và bà công nhận có ký Hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay tiền và HĐTCTS với VBank như VBank đã khai. Ông bà công nhận đến nay còn nợ số tiền vay gốc và nợ tiền lãi như VBank đã tính đến 16/11/2019. Do điều kiện gia đình đang khó khăn nên ông bà đề nghị VBank miễn toàn bộ nợ lãi cho ông bà để ông bà trả nợ gốc cho VBank. Nếu VBank không nhất trí thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Còn đối với yêu cầu độc lập của bà L/v/v hủy Giấy mua bán nhà giữa bà P.T.T với bà N.T.B; Hủy HĐTCTS giữa VBank với ông K, bà B; hủy GCNQSD đất ở mang tên ông K bà B. Ông bà không nhất trí và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Loan.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà T.T.K.L trình bày: bà đề nghị Tòa án tuyên hủy Giấy mua bán nhà giữa bà P.T.T với bà N.T.B; Hủy HĐTCTS giữa VBank với ông K, bà B; hủy GCNQSD đất ở mang tên ông K bà B. Lý do: nguồn gốc nhà đất đứng tên ông K bà B là nhà đất của bà P.T.T bán cho mẹ bà là cụ N.T.T. Ông K và bà B đã làm giả giấy tờ mua bán để được cấp GCNQSD đất và nhà. Bà không có giấy mua bán nhà giữa Bà T và cụ T là do ông K bà B cầm giấu đi. Bà có yêu cầu giám định chữ ký của Bà T trong giấy mua bán nhà nhưng bà không cung cấp được mẫu chữ ký để giám định và bà không nộp lệ phí giám định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà P.T.T trình bày: Trước đây bà là chủ sở hữu căn hộ số 7 Khu tập thể công trường 15 phường P.X, quận B.Đ, TP. Hà Nội (Nay là số nhà 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội) là nhà mái bằng 1 tầng có diện tích khoảng 33m². Năm 2001, Bà T cùng chồng là ông N. V. V bán căn nhà tại số 20 ngõ 69 phố T.A, P.X, B.Đ cho bà N.T.T với giá 27 cây vàng tương đương 126.900.000đ. Bà và bà T đã tiến hành giao tiền và bà T nhận nhà có sự chứng kiến của bà B (con dâu bà T). Bà khẳng định chỉ viết giấy bán nhà cho bà T chứ không viết giấy bán nhà cho bà B. Chữ ký trong Giấy mua bán nhà với bà

Bkkhông phải là chữ ký của bà. Bà có đơn đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa. Bà Từ chối không cung cấp mẫu chữ ký và chữ viết để Tòa án giám định; bà từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND quận B.Đ do Chủ tịch UBND đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông V. H.T trình bày: Hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông N.H.K và bà N.T.B- địa chỉ: số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, B.Đ, Hà Nội. Nhà đất này có nguồn gốc thuộc sở hữu của Nhà nước và đã được Xí nghiệp quản lý nhà B.Đ bán theo quy định theo Nghị định số 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ. Trên cơ sở căn cứ vào Quyết định số 38/2005/QĐ-UB ngày 29/3/2005 của UBND TP. Hà Nội có quy định Bên bán nhà phải chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác của hồ sơ bán nhà; vì vậy khi Xí nghiệp Quản lý nhà B.Đ trình hồ sơ xin cấp GCNQSD đất, UBND quận B.Đ đã cấp GCNQSD đất số 010101536802504 cho ông N.H.K và bà N.T.B đúng theo trình tự thủ tục và quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 16/11/2019 của Tòa án nhân dân quận B.Đ, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V (V Bank) đối với ông N.H.K và bà N.T.B.

2. Buộc ông N.H.K, bà N.T.B phải thanh toán cho Ngân hàng V (VBank) số tiền nợ tính đến ngày 16/11/2019 là 2.135.039.612đ (Hai tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm mười hai đồng) trong đó tiền nợ gốc là 787.343.429đ, tiền nợ lãi là 1.347.696.183đ theo HĐTD số LD 1127900012 ngày 16/10/2011; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 3878993/HĐTD/VPB-NTB ngày 18/8/2012.

Kể từ ngày 17/11/2019, ông N.H.K, bà N.T.B còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp ông N.H.K, bà N.T.B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng V (VBank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B để thu hồi nợ.

4. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân có hộ khẩu hoặc không có hộ khẩu nhưng thường xuyên sinh sống tại diện tích nhà đất thế chấp phải chuyển đi nơi khác để thi hành án.

5. Khi phát mại tài sản thế chấp nêu trên, nếu thừa thì Ngân hàng V (VBank) phải trả lại cho ông N.H.K, bà N.T.B; nếu thiếu thì ông N.H.K, bà N.T.B tiếp tục phải trả cho Ngân hàng VP Bank số tiền còn thiếu.

6. Đình chỉ các yêu cầu độc lập của bà T.T.K.L về việc đề nghị hủy Giấy mua bán nhà ở giữa bà P.T.T với bà N.T.B và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông N.H.K, bà N.T.B do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bà T.T.K.L được quyền khởi kiện lại khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 192 BLTTDS.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T.T.K.L về việc đề nghị hủy Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng VP Bank với ông N.H.K, bà N.T.B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/11/2019 bà T.T.K.L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà T.T.K.L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tài liệu chứng cứ vụ án và nghe lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Đại diện VKS đề nghị: không chấp nhận đơn kháng cáo của bà L. Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.Đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà T.T.K.L nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định pháp luật nên được chấp nhận xem xét.

II/ Xét nội dung đơn kháng cáo của bà L cho thấy:

[1]. Yêu cầu độc lập của bà L có liên quan đến nhà đất tại địa chỉ số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội đã được UBND quận B.Đ cấp Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B.

Ngày 24/12/2007, VBank và ông N.H.K, bà N.T.B ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 1597407 để thế chấp cho các khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, TP. Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B. Thời hạn hợp đồng thế chấp có giá trị trong vòng 10 năm (Phụ lục số 02 ngày 06/10/2011). VBank đã hoàn thiện thủ tục Đăng ký giao dịch đảm bảo tại VP đăng ký đất và nhà quận B.Đ. Tài sản này được đảm bảo cho 02 khoản vay tín dụng của ông K bà B tại VBank.

[2]. Bà Lyêu cầu Tòa án hủy Giấy mua bán nhà ở giữa bà P.T.T với bà N.T.B và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, TP. Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B. Với lý do: nhà đất tại địa chỉ số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội của Bà B bán cho cụ N.T.T không bán cho bà N.T.B.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà L xuất trình giấy tờ mua bán nhà giữa Bà B với cụ T, nhưng bà L không xuất trình được. Còn Bà B không cung cấp mẫu chữ ký và chữ viết để Tòa án giám định theo giấy bán nhà giữa Bà B với bà B. Bà L cũng không nộp lệ phí giám định theo quy định pháp luật. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu độc lập này của bà L và dành quyền khởi kiện cho bà L khi bà cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh là đúng. HĐXXPT không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L.

Bà Lyêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp tài sản (HĐTCTS) là nhà đất số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội do ông N.H.K và bà N.T.B ký với VBank ngày 24/12/2007. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét thủ tục ký kết HĐTCTS trên thì thấy: về nội dung và hình thức của HĐTCTS được các bên ký kết đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tại các Điều 122; 124; 342; 343; 715-BLDS 2005; và phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2003. Tòa án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T.T.K.L v/v hủy HĐTCTS được ký kết giữa ông K bà B và VBank ngày 24/12/2007 là có căn cứ. Vì vậy, HĐXXPT không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Loan.

Như phân tích trên thì đơn kháng cáo của bà L không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên HĐXXPT không xem xét và giữ nguyên như án sơ thẩm. Vì vậy, bà L phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2019/DSST ngày 16/11/2019 của Tòa án nhân dân quận B.Đ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các Điều 401, 402, 403, 404, 405, 406, 471, 473, 474, 476, 478 BLDS năm 2005; Điều 357, 468 BLDS năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 59, 60, 91, 98 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V (V Bank) đối với ông N.H.K và bà N.T.B.

2. Buộc ông N.H.K, bà N.T.B phải thanh toán cho Ngân hàng V (VBank) số tiền nợ tính đến ngày 16/11/2019 là 2.135.039.612đ (Hai tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm mười hai đồng) trong đó tiền nợ gốc là 787.343.429đ, tiền nợ lãi là 1.347.696.183đ theo HĐTD số LD 1127900012 ngày 16/10/2011; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 3878993/HĐTD/VPB-NTB ngày 18/8/2012.

Kể từ ngày 17/11/2019, ông N.H.K, bà N.T.B còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trong trường hợp ông N.H.K, bà N.T.B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng V (VBank) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 20 ngõ 69 phố T.A, phường P.X, quận B.Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010101536802502 do UBND quận B.Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông N.H.K và bà N.T.B để thu hồi nợ.

4. Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân có hộ khẩu hoặc không có hộ khẩu nhưng thường xuyên sinh sống tại diện tích nhà đất thế chấp phải chuyển đi nơi khác để thi hành án.

5. Khi phát mại tài sản thế chấp nêu trên, nếu thừa thì Ngân hàng V (VBank) phải trả lại cho ông N.H.K, bà N.T.B; nếu thiếu thì ông N.H.K, bà N.T.B tiếp tục phải trả cho Ngân hàng VP Bank số tiền còn thiếu.

6. Đình chỉ các yêu cầu độc lập của bà T.T.K.L về việc đề nghị hủy Giấy mua bán nhà ở giữa bà P.T.T với bà N.T.B và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông N.H.K, bà N.T.B do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Bà T.T.K.L được quyền khởi kiện lại khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 192 BLTTDS.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T.T.K.L về việc đề nghị hủy Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng VP Bank với ông N.H.K, bà N.T.B.

7. Về án phí:

- Án phí DSST: Ngân hàng V (VBank); Ông N.H.K, bà N.T.B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng V (VBank) 20.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 03970 ngày 15/7/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, thành phố Hà Nội.

Bà T.T.K.L phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0001868 ngày 14/11/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, thành phố Hà Nội. Hoàn trả bà T.T.K.L 400.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0001869, 0001870 ngày 14/11/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, thành phố Hà Nội.

- Án phí DSPT: Bà T.T.K.L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0005988 ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.Đ, thành phố Hà Nội.

8. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán, thì bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân quận B.Đ
- Chi cục THADS quận B.Đ
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện